

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 181/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số M đường N, khóm N, phường B, thành phố Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số H đường T, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Thanh L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Thanh L đồng ý thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung và cấp dưỡng: Bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Thanh L **thống nhất thỏa thuận**, bà Trần Thị Thu N đồng ý giao con chung Nguyễn Trần Yến N (nữ, sinh ngày 11/7/2006) hiện đang sống chung với ông Nguyễn Thanh L tại số Số H đường T, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cho ông

Nguyễn Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi; Ông Nguyễn Thanh L đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thiện Nh, (nam, sinh ngày 16/7/2014) hiện đang sổ chung với bà N tại địa chỉ: Số M đường N, khóm N, phường B, thành phố Sóc Trăng cho bà N nuôi dưỡng đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi. Bà N và ông L không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu Nguyễn Anh Th (nữ, sinh ngày 29/01/2002) đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh L, bà Trần Thị Thu N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

**2.3.** Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thu N và ông Nguyễn Thanh L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**2.4.** Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị Thu N đồng ý chịu án phí ly hôn số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004446 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Hoàn trả cho bà Trần Thị Thu N số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- UBND phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Huỳnh Thị Bích Tuyền**